Bài tập thực hành tuần 7

Họ và tên: Trắn Gia Khánh MSSV: 23021599

Yêu cầu: In ra thông tin của một nhân viên theo quy cách sau đây:

SELECT CONCAT(Title, '. ', First_Name, ' ', Last_Name, ' ', '(', Start_Date, ' - ', IFNULL(End_Date, 'Now'), ')') Emp FROM employee;

- Bổ sung thêm '100' trước mã khách hàng
- Loại bỏ số '100' ở đầu mã khách hàng bạn vừa thêm vài

```
ALTER TABLE business DROP FOREIGN KEY BUSINESS_EMPLOYEE_FK;
ALTER TABLE business DROP FOREIGN KEY BUSINESS_EMPLOYEE_FK FOREIGN KEY(CUST_ID) REFERENCES customer(CUST_ID) ON DELETE RESTRICT ON UPDATE CASCADE;
ALTER TABLE individual DROP FOREIGN KEY INDIVIDUAL_CUSTOMER_FK;
ALTER TABLE individual DROP FOREIGN KEY INDIVIDUAL_CUSTOMER_FK;
ALTER TABLE individual DROP FOREIGN KEY FOREIGN KEY(CUST_ID) REFERENCES CUSTOMER*(CUST_ID) ON DELETE RESTRICT ON UPDATE CASCADE;
ALTER TABLE officer DROP FOREIGN KEY OFFICER_CUSTOMER_FK;
ALTER TABLE account DROP FOREIGN KEY ACCOUNT_CUSTOMER_FK;
ALTER TABLE account ADO CONSTAUNT INDIVIDUAL DUSTOMER_FK;
ALTER TABLE account ADO CONSTAUNT FOREIGN KEY (CUST_ID) REFERENCES CUSTOMER*(CUST_ID) ON DELETE RESTRICT ON UPDATE CASCADE;
UPDATE CUSTOMER SET CUST_ID = CONCAY('190', CUST_ID);
```

UPDATE customer SET CUST ID = SUBSTRING(CUST ID. 4):

Bài 3:

Thêm 3 bản ghi vào bảng quản lý khách hàng với POSTAL_CODE là NULL. In ra toàn bộ POSTAL_CODE khác NULL và đếm số khách hàng theo từng nhóm POSTAL_CODE.

SELECT POSTAL_CODE, COUNT(*) AS Customer_Number FROM customer WHERE POSTAL_CODE IS NOT NULL GROUP BY POSTAL_CODE;

SELECT TXN_ID, AMOUNT, DATE(TXN_DATE) FROM acc_transaction WHERE DATE(TXN_DATE) LIKE '2000-01%' OR DATE(TXN_DATE) LIKE '2004-12%';

Bài 5:

SELECT * FROM (SELECT *, TIMESTAMPDIFF(YEAR, BIRTH_DATE, CURDATE()) AS AGE FROM individual) AS Sub WHERE AGE > 50 ORDER BY AGE;

SELECT CONCAT(LEFT(FIRST_NAME,1), RIGHT(FIRST_NAME,1), '. ', LAST_NAME) AS Name, TITLE FROM employee;

Bài tập thực hành tuần 7